

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày

tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung
xã Tạ Khoa, tỉnh Sơn La đến năm 2045**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26/11/2024; Luật số 144/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 1681/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Sơn La năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng quy định về định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1037/QĐ-UBND ngày 28/4/2026 của UBND tỉnh Sơn La ban hành Kế hoạch lập quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2025 - 2030;

Theo đề nghị của UBND xã Tạ Khoa tại Tờ trình số 67/TTr-UBND ngày 21/4/2026; Báo cáo thẩm định số 330/BC-SXD ngày 09/4/2026 của Sở Xây

dựng; Kết quả biểu quyết của Thành viên UBND tỉnh tại Thông báo số 188/TB-VPUB ngày 26/4/2026 của Văn phòng UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xã Tạ Khoa, tỉnh Sơn La đến năm 2045 với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, quy mô và thời hạn lập quy hoạch

1.1. Phạm vi, ranh giới: Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch xã Tạ Khoa, tỉnh Sơn La có vị trí ranh giới như sau:

- + Phía Bắc giáp xã Tà Hộc, xã Pắc Ngà và xã Bắc Yên tỉnh Sơn La;
- + Phía Nam giáp xã Yên Châu và xã Chiềng Sại, tỉnh Sơn La;
- + Phía Tây giáp xã Yên Châu, tỉnh Sơn La;
- + Phía Đông giáp xã Bắc Yên và xã Mường Sại, tỉnh Sơn La.

1.2. Quy mô: Lập quy hoạch trên toàn bộ địa giới hành chính xã Tạ Khoa sau sắp xếp với tổng diện tích tự nhiên khoảng 19.188,6 ha.

1.3. Thời hạn lập quy hoạch: Thời hạn quy hoạch đến năm 2045; phân kỳ thực hiện gồm: giai đoạn ngắn hạn (đến năm 2035) và giai đoạn dài hạn (đến năm 2045).

2. Quan điểm, mục tiêu quy hoạch

- Xây dựng xã Tạ Khoa trở thành xã nông thôn mới nâng cao, phát triển toàn diện với kinh tế nông nghiệp hàng hóa hiện đại, hạ tầng đồng bộ, xã hội tiến bộ và môi trường bền vững.

- Phát triển kinh tế theo hướng nông nghiệp hàng hóa - công nghiệp chế biến - dịch vụ; quy hoạch cụm công nghiệp, vùng sản xuất tập trung, ứng dụng khoa học kỹ thuật, đẩy mạnh hợp tác xã và sản phẩm OCOP.

- Nâng cao đời sống người dân, giảm tỷ lệ hộ nghèo, cải thiện chất lượng giáo dục, y tế và bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống.

- Hoàn thiện hệ thống giao thông, thủy lợi, cấp điện, cấp nước, trường học, trạm y tế, chợ và trung tâm văn hóa.

- Duy trì độ che phủ rừng $\geq 47\%$, gắn với phát triển sinh kế bền vững, tăng cường bảo vệ môi trường, ứng phó thiên tai và biến đổi khí hậu.

- Làm cơ sở để lập quy hoạch chi tiết các khu vực và lập dự án đầu tư hạ tầng xã.

- Giữ vững quốc phòng - an ninh, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, tạo nền tảng cho phát triển bền vững.

3. Tính chất, vai trò, chức năng khu vực lập quy hoạch

3.1. Tính chất: Phát triển xã Tạ Khoa có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

đồng bộ, hiện đại và phù hợp; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn phát triển nông nghiệp hàng hóa, xây dựng chuỗi liên kết với công nghiệp chế biến, dịch vụ du lịch sinh thái, phát triển công nghiệp chế biến và khai thác khoáng sản; gắn phát triển xây dựng nông thôn mới. Xây dựng xã hội dân chủ, bình đẳng, ổn định, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc; bảo vệ môi trường sinh thái; giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự. Đồng thời, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

3.2. Vai trò, chức năng

Xã Tạ Khoa nằm ở phía Đông Nam của tỉnh Sơn La có vị trí quan trọng trong kết nối các xã vùng dọc sông Đà với các xã vùng dọc QL.6,... tạo thành vùng liên kết phát triển kinh tế - xã hội.

Trong bối cảnh tỉnh Sơn La đang triển khai mạnh mẽ các đột phá chiến lược về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số, xã Tạ Khoa ngày càng có vị trí, vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển của tỉnh và khu vực. Định hướng phát triển xã Tạ Khoa tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất dốc sang trồng cây ăn quả hoặc cây trồng có giá trị kinh tế cao, trở thành vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất. Phát triển các hợp tác xã nông nghiệp, các doanh nghiệp liên kết với hợp tác xã, nông dân, các cơ sở thu mua, chế biến, tiêu thụ, xây dựng chuỗi sản xuất, chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu sản phẩm hàng hóa ra ngoài tỉnh.

Xây dựng cụm công nghiệp tập trung, phát triển công nghiệp chế biến sâu khoáng sản Niken tạo điểm nhấn cho công nghiệp khai khoáng trên địa bàn tỉnh.

Ngoài ra, xã Tạ Khoa còn giữ vai trò trọng yếu trong thế trận quốc phòng toàn dân, là địa bàn chiến lược trong phòng thủ.

3.3. Quy hoạch chung xây dựng xã Tạ Khoa gồm các chức năng

- Khu ở nông thôn;
- Khu trung tâm hành chính xã;
- Các công trình sản xuất và phục vụ sản xuất;
- Các công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Các công trình hạ tầng xã hội;
- Khu công viên, vườn hoa, cây xanh cảnh quan, thể dục thể thao;
- Khu dự trữ phát triển;
- Khu dành cho sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và các mục đích khác.

4. Sơ bộ dự báo phát triển

4.1. Dự báo quy mô dân số: Quy mô dân số toàn xã Tạ Khoa năm 2025 là 15.053 nhân khẩu với 3.063 hộ, dự báo quy mô dân số như sau:

- Đến năm 2030 khoảng 15.991 nhân khẩu.

- Đến năm 2045 khoảng 19.209 nhân khẩu.

4.2. Dự báo lao động: Số người trong độ tuổi lao động trên địa bàn xã năm 2025 là 9.228 lao động. Dự báo đến năm 2030 có khoảng 9.595 lao động và đến năm 2045 có khoảng 11.526 lao động.

4.3. Dự báo nhu cầu đất xây dựng: Dự báo đất cho nhu cầu phát triển xây dựng đến năm 2045 tăng diện tích đất trụ sở (*Trụ sở Đảng uỷ - HĐND - UBND xã*), đất quốc phòng (*Trụ sở BCH quân sự xã, thao trường huấn luyện dân quân*), đất khu dân cư, đất y tế, đất giáo dục, đất sản xuất kinh doanh, đất khu công nghiệp, đất sản xuất vật liệu xây dựng, đất xây dựng các công trình công cộng, đất giao thông, đất xử lý chất thải, đất nghĩa địa,... thuộc nhóm đất phi nông nghiệp.

4.4. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật: Thực hiện theo QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng ban hành kèm theo thông tư 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng và các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan (*Trường hợp trong quá trình nghiên cứu lập quy hoạch, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng và các quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan được cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định chuyển tiếp được quy định hoặc rà soát, thực hiện theo quy chuẩn, tiêu chuẩn mới được ban hành*).

5. Các yêu cầu cần nghiên cứu đối với nội dung quy hoạch

5.1. Yêu cầu về điều tra khảo sát, thu thập tài liệu, số liệu, đánh giá hiện trạng

Các nguyên tắc cơ bản đối với việc phân tích, đánh giá hiện trạng: Trong quá trình đánh giá hiện trạng đảm bảo sát thực tế, đúng thực trạng của xã, đề ra được những thuận lợi khó khăn ảnh hưởng đến quá trình phát triển của xã.

- Khảo sát thực tế về điều kiện tự nhiên, dân cư, hạ tầng, sản xuất, văn hóa - xã hội.

- Thu thập bản đồ địa hình, địa chính, hiện trạng sử dụng đất, số liệu về kinh tế - xã hội.

- Phân tích, đánh giá Điều kiện tự nhiên như đặc điểm địa lý, địa hình, địa mạo, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng, tài nguyên nước, rừng, biển. Các ảnh hưởng của thiên tai, biến đổi khí hậu, môi trường và các hệ sinh thái.

- Đánh giá Dân số (*số hộ dân, cơ cấu dân số, cơ cấu lao động, đặc điểm phát triển*), đặc điểm về văn hóa, dân tộc và phân bố dân cư;

- Phân tích, đánh giá Hiện trạng phát triển kinh tế trong các lĩnh vực nông nghiệp và phi nông nghiệp; lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; đánh giá thể mạnh, tiềm năng và các hạn chế trong phát triển kinh tế.

- Hiện trạng sử dụng đất: Đánh giá hiện trạng, tình hình sử dụng đất và biến động từng loại đất (*lưu ý các vấn đề về sử dụng và khai thác đất nông nghiệp; những vấn đề tồn tại trong việc sử dụng đất đai*). Tổng hợp hiện trạng

sử dụng đất của xã.

- Khảo sát đánh giá về hiện trạng sản xuất lương thực đặc biệt diện tích đất trồng lúa, diện tích, năng suất; xác định nhu cầu tiêu dùng, khả năng đảm bảo cân đối lương thực tại chỗ, phân tích các nguy cơ biến đổi khí hậu, khả năng quỹ đất chuyển đổi mục đích khác và quỹ đất cải tạo đưa vào sản xuất lương thực để định hướng quy hoạch sản xuất đảm bảo an ninh lương thực.

- Đánh giá hiện trạng nhà ở: Đánh giá về hiện trạng và không gian, kết cấu, kiến trúc nhà ở của xã.

- Đánh giá hiện trạng các công trình công cộng (*trụ sở xã, giáo dục, y tế, nhà văn hóa, sân thể thao, thông tin liên lạc, truyền thanh*) của xã về diện tích đất, cơ sở vật chất.

- Đánh giá hiện trạng dịch vụ của xã.

- Đánh giá hiện trạng hạ tầng kỹ thuật môi trường, hạ tầng phục vụ sản xuất (*giao thông, thủy lợi, cấp điện, cung cấp năng lượng, cấp nước sinh hoạt...*).

- Đánh giá tổng thể hiện trạng các nghĩa trang, nghĩa địa trên địa bàn xã bao gồm: Nghĩa địa các bản, nghĩa trang xã; đánh giá tỷ lệ lấp đầy, khả năng đáp ứng trong giai đoạn tới và các tác động về cự ly khoảng cách, cảnh quan, vệ sinh môi trường của các nghĩa trang, nghĩa địa hiện có vv...

- Đánh giá thực trạng đất cây xanh công cộng;

- Đánh giá các công trình bảo vệ môi trường và danh lam thắng cảnh trên địa bàn xã.

- Đánh giá làm rõ kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện quản lý và phát triển.

- Đánh giá tổng hợp các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội, hạ tầng kỹ thuật, môi trường. Xác định điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức. Từ đó, xác định tiềm năng phát triển và các vấn đề cần giải quyết thông qua quy hoạch.

5.2. Yêu cầu về cơ sở dữ liệu hiện trạng

- Nghiên cứu và thu thập dữ liệu: Thu thập thông tin về hiện trạng khu vực quy hoạch, bao gồm dữ liệu địa hình, địa chính, giao thông, hạ tầng kỹ thuật, dân cư, kinh tế - xã hội, môi trường,...

- + Phân loại và xử lý dữ liệu: Phân loại dữ liệu theo các tiêu chí phù hợp, xử lý dữ liệu để loại bỏ các lỗi, chuẩn hóa dữ liệu để đảm bảo tính nhất quán.

- + Số hóa dữ liệu: Chuyển đổi dữ liệu dạng bản vẽ giấy, hình ảnh, văn bản sang dạng số có thể sử dụng trong GIS.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu không gian:

- + Tạo bản đồ nền: Sử dụng dữ liệu đã được xử lý để tạo bản đồ nền, bao gồm bản đồ địa hình, bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ quy hoạch,...

+ Xây dựng các lớp dữ liệu: Tạo các lớp dữ liệu chuyên đề (ví dụ: lớp giao thông, lớp dân cư, lớp hạ tầng kỹ thuật, lớp quy hoạch,...).

+ Liên kết dữ liệu thuộc tính và không gian: Liên kết dữ liệu thuộc tính (thông tin chi tiết về đối tượng) với dữ liệu không gian (vị trí của đối tượng).

- Phân tích và đánh giá dữ liệu:

+ Phân tích không gian: Sử dụng các công cụ phân tích không gian của GIS để tìm hiểu mối quan hệ giữa các yếu tố trong khu vực quy hoạch, xác định các vấn đề và tiềm năng.

+ Đánh giá hiện trạng: Đánh giá hiện trạng sử dụng đất, hạ tầng, môi trường, kinh tế - xã hội để làm cơ sở cho việc quy hoạch.

- Thiết kế và mô hình hóa quy hoạch:

+ Xây dựng các phương án quy hoạch: Dựa trên kết quả phân tích và đánh giá, xây dựng các phương án quy hoạch khác nhau.

+ Mô phỏng và đánh giá các phương án: Sử dụng GIS để mô phỏng các phương án quy hoạch, đánh giá tác động của chúng đến các yếu tố khác nhau.

+ Lựa chọn phương án tối ưu: Lựa chọn phương án quy hoạch tối ưu dựa trên các tiêu chí đã được xác định.

5.3. Yêu cầu về các nội dung của quy hoạch chung

5.3.1. Phân tích vị trí và liên hệ vùng: Vị trí, ranh giới của xã; các mối quan hệ về tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường trong quy hoạch tỉnh có ảnh hưởng tới phạm vi quy hoạch. Thể hiện trên nền bản đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn trong quy hoạch tỉnh.

5.3.2. Phân tích đánh giá hiện trạng: Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên, thực trạng xây dựng (dân cư, xã hội, lao động, hoạt động du lịch...), hiện trạng các công trình kiến trúc, công trình hạ tầng kỹ thuật, cảnh quan, di tích lịch sử, văn hoá, quỹ đất xây dựng và các quy định của quy hoạch chung có liên quan đến khu vực lập quy hoạch. Đánh giá những thuận lợi, khó khăn, cơ hội, thách thức và điều kiện kinh tế xã hội (theo phương pháp SWOT) để xác định các giải pháp quy hoạch đảm bảo khả thi.

5.3.3. Xác định các cơ sở lập quy hoạch: Xác định mục tiêu, chỉ tiêu sử dụng đất, hạ tầng phát triển du lịch, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật cho toàn khu vực quy hoạch. Xác định khả năng sử dụng quỹ đất hiện có, khớp nối các quy hoạch liên quan và dự án đã và đang triển khai xây dựng trong khu vực, đảm bảo đồng bộ về quy hoạch kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật, đồng thời xác định các yếu tố không chế trong khu vực

5.3.4. Định hướng phát triển không gian: Xác định không gian phát triển khu dân cư nông thôn, đô thị (nếu có); khu chức năng cấp quốc gia, cấp tỉnh theo quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành; khu vực an ninh quốc phòng; khu vực phát triển trung tâm: hành chính, thương mại - dịch vụ, văn hóa, thể dục thể thao, nghiên cứu, đào tạo, y tế từ cấp

tỉnh trở lên; vị trí trung tâm xã, trung tâm cụm xã (nếu có); khu vực phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và cơ sở kinh tế - kỹ thuật khác theo quy định.

+ Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã: Bố trí quy hoạch mở rộng Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Tạ Khoa với quy mô dự kiến khoảng 5 ha.

+ Trụ sở Công an xã: Bố trí quy hoạch tại khu vực riêng biệt, đảm bảo tính độc lập, an ninh, an toàn trong hoạt động nghiệp vụ với quy mô, diện tích theo quy định.

+ Trụ sở BCH quân sự xã: Bố trí quy hoạch kết hợp trong khuôn viên Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã, thuận lợi cho công tác chỉ đạo, điều hành và phối hợp giữa các lực lượng, đảm bảo tính linh động và hiệu quả.

5.3.5. Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn: Tích hợp theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc.

5.3.6. Dự báo nhu cầu sử dụng đất

- Xác định các loại đất cho nhu cầu phát triển đến năm 2035, năm 2045 và các thông số kỹ thuật chính cho từng loại đất, cụ thể: diện tích đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm còn lại, cây lâu năm, đất lâm nghiệp, đất nông nghiệp khác, đất nuôi trồng thủy sản, đất ở, đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp của xã, đất nghĩa trang, nghĩa địa do xã quản lý, đất sông, suối, đất phát triển hạ tầng của xã và đất phi nông nghiệp khác.

- Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai phục vụ chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất; mở rộng khu dân cư và phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất công nghiệp.

- Xác định diện tích các loại đất chưa sử dụng có khả năng đưa vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng.

- Điều chỉnh bổ sung quy hoạch đất ở dân cư dọc các trục đường trục xã, trục bản (*trừ các đoạn đi qua ruộng lúa, đất dốc, đất tà luy âm, khu vực có nguy cơ sạt lở đất đá, đất quốc phòng, đất quy hoạch các công trình giáo dục, y tế, văn hóa, sân thể thao...*).

5.3.7. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất

- Định hướng quy hoạch xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi xã. Xác định khung hạ tầng phục vụ sản xuất như: đường nội đồng, kênh mương thủy lợi;

- Xác định vị trí, quy mô cho các công trình hạ tầng kỹ thuật gồm: đường trục xã, đường liên bản, cao độ nền, cấp điện, cấp thoát nước, xử lý chất thải và nghĩa trang, hạ tầng viễn thông thụ động.

- Bổ sung quy hoạch các dự án đầu tư, giao thông, thủy lợi, NSH, hạ tầng cụm công nghiệp.

- Bổ sung quy hoạch bãi rác thải, chợ trên địa bàn xã.

** Giao thông:*

+ Nghiên cứu mạng lưới đường trên địa bàn xã như đường quốc lộ, đường tỉnh, đường xã, đường bản, đường trục nội đồng kết hợp hệ thống kênh mương (*hoặc đường lâm sinh kết hợp dân sinh,...*); loại mặt cắt các đường; quy hoạch phát triển các công trình phục vụ giao thông như: bến, bãi...

+ Bổ sung quy hoạch nâng cấp các tuyến đường giao thông liên bản, nội bản, đường ngõ xóm, đường nội đồng các bản,...

** San nền và thoát nước:* Trên cơ sở nghiên cứu sơ bộ thực tế, xác định hình thức tổ chức quy hoạch san nền cho khu vực xây dựng (*về hướng chung của tổng thể; hướng các khu vực cục bộ theo các hình thức giật cấp, toàn thể,...*). Nguyên tắc nghiên cứu là định hướng cốt nền hạn chế úng ngập và thoát nước thuận lợi cho từng khu chức năng và toàn khu vực; các giải pháp về chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng, xác định cao độ khống chế cho từng khu vực (*tập trung vào các điểm dân cư cấp thôn*); xác định hướng, mạng và lưu vực thoát nước chính.

** Cấp nước:* Các giải pháp cơ bản về dự báo nhu cầu dùng nước và lựa chọn nguồn cấp nước sinh hoạt, sản xuất (*lưu ý sản xuất nông nghiệp*); lựa chọn công nghệ xử lý nước; thiết kế mạng lưới đường ống cấp nước chính và xác định quy mô các công trình cấp nước (*đối với cấp nước tập trung*); biện pháp cơ bản về bảo vệ nguồn nước và công trình cấp nước.

** Cấp điện:* Xác định chỉ tiêu và tiêu chuẩn thiết kế; dự báo nhu cầu sử dụng điện và lựa chọn nguồn cấp điện; thiết kế mạng lưới cấp điện: Xác định số lượng, quy mô các trạm biến áp, lưới điện từ trung áp trở lên, hành lang bảo vệ các tuyến điện cao áp đi qua; Lưu ý yêu cầu về quy hoạch hệ thống điện sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp.

** Thoát nước thải và vệ sinh môi trường*

+ Thoát nước thải: Định hướng xây dựng công trình xử lý nước thải tập trung tại khu vực dân cư đông đúc; khu vực thưa dân áp dụng mô hình bể tự hoại cải tiến hoặc các giải pháp xử lý phân tán.

+ Nước thải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường, hạn chế ô nhiễm các suối và nguồn nước sinh hoạt.

** Chất thải rắn:*

+ Chất thải rắn sinh hoạt: phân loại chất thải rắn khuyến khích giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải rắn sinh hoạt.

+ Bố trí điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo quy định tại Khoản 2 Điều 76 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Điểm tập kết được bố trí bảo đảm kết nối hiệu quả giữa công tác thu gom, vận chuyển và xử lý; bán kính phục vụ thu gom tại hộ gia đình, tổ chức, cá nhân và khoảng cách an toàn môi trường thực hiện theo quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

về quy hoạch xây dựng.

+ Điều chỉnh quy hoạch vị trí bãi rác tại xã Tạ Khoa sang địa điểm mới, đảm bảo tuân thủ khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường theo quy định tại Mục 2.12.4 của QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng. Quy mô bãi rác dự kiến khoảng 2 ha, bảo đảm bố trí hợp lý các hạng mục chức năng, đáp ứng nhu cầu xử lý chất thải và phát huy hiệu quả sử dụng bền vững, lâu dài.

+ Chất thải rắn y tế: thu gom riêng, ký hợp đồng với đơn vị xử lý đạt chuẩn theo quy định.

+ Chất thải công nghiệp, chất thải xây dựng: Quy hoạch vị trí tập kết tạm thời, thu gom định kỳ, khuyến khích tái sử dụng làm vật liệu san lấp.

+ Chất thải nguy hại (*đặc biệt là bao bì thuốc bảo vệ thực vật*): Bố trí thùng thu gom chuyên dụng tại các khu vực sản xuất nông nghiệp; vận chuyển và xử lý bởi đơn vị có giấy phép theo quy định.

- Quan trắc và giám sát môi trường: Thiết lập hệ thống quan trắc định kỳ chất lượng nước, không khí và đất tại các khu vực đông dân cư và khu sản xuất. Tăng cường giám sát nguồn thải, ứng dụng công nghệ thông tin và phát huy vai trò giám sát cộng đồng; kịp thời cảnh báo nguy cơ ô nhiễm.

* *Phòng cháy, chữa cháy*: Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật phòng cháy, chữa cháy đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

* *Nghĩa trang, nghĩa địa*: Quy hoạch các nghĩa địa quy mô bản trên cơ sở cải tạo, mở rộng các nghĩa địa hiện có đáp ứng nhu cầu sử dụng lâu dài phù hợp với tập tục của dân địa phương.

* *Hạ tầng phục vụ sản xuất*:

+ Xác định các công trình thủy lợi tưới tiêu cần nâng cấp, sửa chữa, làm mới trong kỳ quy hoạch. Hệ thống giao thông nội đồng phục vụ sản xuất.

+ Quy hoạch hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất.

+ Các công trình thủy lợi trên địa bàn xã hiện đã có và đã phần nào đáp ứng nhu cầu tưới tiêu trong nông nghiệp. Tuy nhiên vẫn còn các đập và kênh đất tạm do vậy trong giai đoạn quy hoạch sẽ được nâng cấp và kiên cố hóa các kênh đất tạm trên địa bàn xã nhằm đáp ứng đủ nhu cầu nước cho sản xuất, sinh hoạt hiện tại và lâu dài của nhân dân.

- Quy hoạch cụm công nghiệp trên địa bàn xã phục vụ thu hút phát triển sản xuất công nghiệp.

* *Thông tin và truyền thông*

+ Quy hoạch điểm phục vụ bưu chính. Diện tích đất tối thiểu 150m².

+ Quy hoạch Đài truyền thanh xã, loa truyền thanh bản.

5.3.8. Đề xuất các dự án ưu tiên: Xác định các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư trên địa bàn xã và kế hoạch thực hiện theo từng giai đoạn.

5.3.9. Đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường

- Phân tích, đánh giá hiện trạng, xác định các vấn đề môi trường chính tại khu vực lập quy hoạch, các tồn tại khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện lập quy hoạch.

- Phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội và môi trường đô thị, đề xuất hệ thống tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp về định hướng phát triển không gian và hạ tầng kỹ thuật tối ưu.

- Dự báo tác động và diễn biến môi trường trong quá trình thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã; đề xuất các biện pháp phòng ngừa và thứ tự ưu tiên thực hiện.

- Đề ra các giải pháp tổng thể phòng ngừa, giảm thiểu, khắc phục tác động rủi ro đối với dân cư, hệ sinh thái tự nhiên, nguồn nước, không khí, tiếng ồn khi triển khai thực hiện quy hoạch.

6. Các yêu cầu về Hồ sơ, sản phẩm quy hoạch

- Thành phần hồ sơ, quy cách và định dạng của hồ sơ: Thực hiện theo Điều 2, Điều 12, Phụ lục I và II Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn (*được sửa đổi tại khoản 1, khoản 2 và khoản 7 Điều 1 Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025*).

- Số lượng hồ sơ quy hoạch: 07 bộ.

7. Các yêu cầu, nguyên tắc về lấy ý kiến

7.1. Yêu cầu về nội dung: Lấy ý kiến về nội dung đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Tạ Khoa, tỉnh Sơn La đến năm 2045; đối với những nội dung thuộc bí mật nhà nước trong đồ án quy hoạch (*nếu có*) phải bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

7.2. Về đối tượng, hình thức, thời gian lấy ý kiến: Thực hiện theo quy định tại Điều 37 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024 và các quy định của pháp luật hiện hành.

(Có Thuyết minh nhiệm vụ Quy hoạch chung kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND xã Tạ Khoa (cơ quan tổ chức lập quy hoạch):

- Tổ chức lập Đồ án Quy hoạch chung xã Tạ Khoa, tỉnh Sơn La đến năm 2045 đảm bảo tiến độ, chất lượng và các quy định hiện hành. Chịu trách nhiệm toàn diện về chất lượng, nội dung, số liệu trình phê duyệt.

- Về dự toán kinh phí lập quy hoạch: Trên cơ sở Báo cáo thẩm định của Sở Xây dựng, UBND xã Tạ Khoa có trách nhiệm quản lý, sử dụng và thanh

quyết toán đảm bảo các quy định của pháp luật hiện hành; không để xảy ra thất thoát, lãng phí, tiêu cực, đơn thư, kiến nghị trong quá trình thực hiện.

2. Sở Xây dựng thẩm định Đồ án Quy hoạch chung xã Tạ Khoa, tỉnh Sơn La đến năm 2045 theo các quy định hiện hành; Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh về nội dung, số liệu thẩm định nhiệm vụ quy hoạch.

3. Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu trình cấp có thẩm quyền bố trí nguồn vốn để phục vụ công tác lập Đồ án quy hoạch.

4. Các Sở, ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực ngành phụ trách có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ UBND xã Tạ Khoa trong việc cung cấp thông tin, số liệu, nội dung phục vụ công tác lập Đồ án quy hoạch.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND xã Tạ Khoa; Thủ trưởng các ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cơ quan UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Như Điều 3;
- Văn phòng UBND tỉnh (LĐVP; THKT);
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, THKT, Giang26b.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Tiến